

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ
ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 2 năm 2016
của Giám đốc ĐHQG-HCM

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về
Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng
Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại
học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ
ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 2 năm 2016 của Giám đốc
ĐHQG-HCM như sau:

1. Điểm a khoản 2 Điều 4 được sửa đổi đối với tuyển sinh trình độ tiến sĩ như sau:

“a) Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm. Thời
gian tổ chức tuyển sinh do Thủ tướng cơ sở đào tạo quyết định và báo cáo ĐHQG-HCM.”

2. Bổ sung vào cuối khoản 3 Điều 12 câu sau:

“Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng các quy định tại Phụ lục I của Quyết
định này.”

3. Bổ sung khoản 8 Điều 12 như sau:

“8. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo liên
quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội
thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày
đăng ký dự tuyển. Danh mục tạp chí, hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành do cơ sở đào
tạo quy định và thông báo rộng rãi trước kỳ tuyển sinh.”



4. Bổ sung khoản 9 Điều 12 như sau:

“9. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ngành ngôn ngữ nước ngoài (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Phụ lục II của Quyết định này, trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM cho phép hoặc công nhận. Thủ trưởng cơ sở đào tạo phải thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ;

d) Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành ngoại ngữ phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II).

đ) Người dự tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không phải tiếng Anh thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn.”

5. Bổ sung khoản 10 Điều 12 như sau:


“10. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (ngoại trừ các chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài) hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.”

6. Bổ sung khoản 11 Điều 12 như sau:

“11. Người dự tuyển chưa đáp ứng các quy định tại khoản 3, khoản 8, khoản 9 Điều 12 có thể nộp hồ sơ xin đăng ký học dự bị tiến sĩ. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ có thể hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển theo quy định tại khoản 3, khoản 8, khoản 9 Điều 12 để được xét tuyển nghiên cứu sinh chính thức. Việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo dự bị tiến sĩ được quy định trong Phụ lục III của Quyết định này.

7. Bãi bỏ khoản 2 Điều 6, Điều 7, Điều 8 đối với xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban và đơn vị chức năng, Thủ trưởng các trường đại học thành viên, viện nghiên cứu khoa học, khoa hoặc đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Giám đốc (để báo cáo);
- Các Phó Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, Ban SDH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hội Nghĩa

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 783/QĐ-ĐHQG, ngày 21/7/2017
của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM)

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo;

h) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh. Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại mục 1;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c mục 1;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.



3. Đối với các khóa tuyển sinh từ tháng 8 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại điểm d, mục 1 được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Nghệ thuật, Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Kinh doanh và quản lý, Dịch vụ xã hội: là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài đăng trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên, Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Sức khỏe: là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phân biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phân biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

Phụ lục II
BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 783/QĐ-ĐHQG, ngày 21/7/2017
của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM)

Stt	Chứng chỉ	Trình độ tối thiểu
1	TOEFL iBT	45
2	IELTS	5
3	Cambridge examination	CAE 45 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2



Phụ lục III
DỰ BỊ TIẾN SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 783./QĐ-ĐHQG, ngày 24/11/2017
của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM)*

1. Tuyển sinh và đào tạo dự bị tiến sĩ:

- a) Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về tuyển sinh, đào tạo dự bị tiến sĩ và thông báo rộng rãi trước kỳ tuyển sinh;
- b) Cơ sở đào tạo đảm bảo quyền lợi, điều kiện học tập và nghiên cứu khoa học của người học dự bị tiến sĩ;
- c) Cơ sở đào tạo đảm bảo việc ưu tiên xét tuyển nghiên cứu sinh khi người học dự bị tiến sĩ đã hoàn tất các điều kiện xét tuyển nghiên cứu sinh theo yêu cầu của cơ sở đào tạo;
- d) Cơ sở đào tạo quy định cụ thể việc xét tuyển nghiên cứu sinh đối với người học dự bị tiến sĩ, quy định cụ thể việc công nhận tích lũy tín chỉ từ chương trình dự bị tiến sĩ.

2. Quyền lợi của người học dự bị tiến sĩ:

- a) Được tham gia học tập, nghiên cứu cùng các nghiên cứu sinh chính thức;
- b) Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiền tiến sĩ, phương pháp nghiên cứu khoa học;
- c) Được tích lũy các tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ tương ứng, nhưng không quá 50% số tín chỉ của chương trình;
- d) Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;
- đ) Được tham gia nghiên cứu khoa học và công bố các bài báo khoa học liên quan đến đề tài nghiên cứu. Các bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu này được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức;
- e) Thời gian học dự bị tiến sĩ không tính trong thời gian đào tạo tiến sĩ;
- f) Các quyền lợi khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Trách nhiệm của người học dự bị tiến sĩ:

- a) Tuân thủ các quy định về học tập, nghiên cứu của cơ sở đào tạo;
- b) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo. Cơ sở đào tạo xây dựng quy định cụ thể về kinh phí cho chương trình dự bị tiến sĩ;
- c) Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ phải hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển còn thiếu để được xét tuyển nghiên cứu sinh chính thức;
- d) Các trách nhiệm khác theo quy định của cơ sở đào tạo.